CÔNG TY CỔ PHẦN ATG PLANET ***ATG PLANET JOINT STOCK COMPANY*** ……	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness*** ……
Số: 0203/2026/CV-ATG *No: : 0203/2026/CV-ATG*	*Gia Lai, ngày 02 tháng 03 năm 2026* *Gia Lai, March 02nd 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

INFORMATION DISCLOSURE ON THE ELECTRONIC INFORMATION PORTAL OF THE STATE SECURITIES COMMISSION AND THE STOCK EXCHANGE

Kính gửi: - **UỶ BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;**

- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

To: - ***STATE SECURITIES COMMISSION;***

- ***STOCK EXCHANGE***

CÔNG TY CỔ PHẦN ATG PLANET

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ATG PLANET
DN: C=VN, L=GIA LAI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ATG PLANET, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:4100577172, E=ANTRUONGAN.JSC@GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.03.19 08:15:27+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

I. Tổ chức công bố thông tin/ *Information disclosure organization*

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần ATG Planet
  Organization name: ATG Planet Joint stock company
- Mã chứng khoán/*Stock code*: ATG
- Địa chỉ trụ sở chính: 81 Mai Hắc Đế, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
  Head office address: 81 Mai Hac De, Quy Nhon Nam ward, Gia Lai province, Vietnam
- Điện thoại: Fax:
- Website: https://atajsc.vn/
- Loại CBTT/ *Type of information disclossure*: Định kỳ/ *Periodic*

II. Nội dung thông tin công bố/ *Content of published information*

Báo cáo tài chính tổng hợp Qúy IV năm 2025 và văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên BCTC tổng hợp Qúy IV năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024.

Consolidated financial statements for the fourth quarter of 2025 and documents explaining the difference in profit after tax on the consolidated financial statements for the fourth quarter of 2025 compared to the same period in 2024.

Đường dẫn đăng tải công bố thông tin như sau : https://atajsc.vn/

The link to post the information is as follows: https://atajsc.vn/

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố ./.

We commit that the information published above is true and are fully responsible before the law for the content of the published information./.

Nơi nhận/ *Recipient*:
- Như trên/ *As above*;
- Lưu VP/ *Save in office*.

CÔNG TY CỔ PHẦN ATG PLANET
ATG PLANET JOINT STOCK COMPANY
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
Chủ tịch HĐQT
Chairman of the Board

M.S.D.N: 4100577172 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ATG PLANET
P.QUY NHƠN NAM - T.GIA LAI

Nguyen Huu Phu

CÔNG TY CỔ PHẦN ATG PLANET

Báo cáo tài chính tổng hợp
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	**1 - 3**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	**4 – 6**
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	**7 - 9**
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	**10 – 11**
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	**12 – 32**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần ATG Planet(sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần ATG Planet (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100577172 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2007 và được thay đổi lần thứ 13 ngày 16 tháng 07 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ kế toán và cho đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Phú	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Anh Thông	Thành viên	
Bà Đào Thị Nga	Thành viên	

Ủy ban kiểm toán

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Bà Đào Thị Nga	Phụ trách UBKT	Bổ nhiệm ngày 16/06/2025
Ông Nguyễn Đồng Giang	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 14/06/2025
Ông Đỗ Minh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14/06/2025

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Thái Thiện Quang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/06/2025
Ông Đào Quang Trung	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17/06/2025

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2025 đến ngày 16/06/2025 là Ông Đào Quang Trung – Nguyên Tổng Giám đốc. Người đại diện pháp luật của Công ty từ ngày 17/06/2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Thái Thiện Quang – Tổng Giám đốc.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2025 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp .

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp . Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp . Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính .

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và các luồng lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp .

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán. Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN ATG PLANET

Ông NGUYỄN HỮU PHÚ
Chủ tịch HĐQT

Gia Lai, ngày 03 tháng 03 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2026

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**56,423,633,124**	**8.510.529.006**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**4.1**	**379.795.009**	**415.493.484**
1.	Tiền	111		**379.795.009**	**415.493.484**
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**-**	**-**
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**26,870,088,509**	**4.239.552.023**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	**23.351.567.570**	**418.330.015**
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	**2.218.819.693**	**364.868.615**
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	4.4	**468.201.000**	**-**
4	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5		
5.	Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	**831.390.246**	**3.456.353.393**
	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		**-**	**-**
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**4.7**	**25.121.605.551**	**3.473.769.427**
1.	Hàng tồn kho	141		**25.121.605.551**	**3.473.769.427**
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**4.052.144.055**	**381.714.072**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	**3.779.138.773**	**246.184.090**
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		**273.005.282**	**135.529.982**
	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		**-**	**-**
	Tài sản ngắn hạn khác	155		**-**	**-**
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**211.079.212.883**	**45.215.911**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**-**	**-**
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**17.404.547**	**29.007.577**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	**17.404.547**	**29.007.577**
	- Nguyên giá	*222*		**34.809.091**	**34.809.091**
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		**(17.404.544)**	**(5.801.514)**
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**		**-**	**-**
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**-**	**-**
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**-**	**-**
	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		**-**	**-**
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**211.061.808.336**	**16.208.334**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	**5.808.336**	**16.208.334**
2.	Tài sản dài hạn khác	268	4.9	**211.056.000.000**	**-**
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**267,502,846,007**	**8.555.744.917**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**258,651,847,123**	**8.390.774.379**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**206,356,972,623**	**7.150.774.379**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	**6.835.010.954**	**339.159.105**
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	**59.771.954.705**	**709.283.125**
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	**2,949,604,112**	**941.152.822**
4.	Phải trả người lao động	314		**162.650.968**	**228.540.435**
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	**854.101.687**	**906.601.552**
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	4.14	**800.000.000**	-
	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	**94.569.659.197**	**489.859.940**
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	**40,413,991,000**	**3.536.177.400**
	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	324		-	-
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**52.294.874.500**	**1.240.000.000**
	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
1.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.11	**51.794.874.500**	-
	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	**500.000.000**	**1.240.000.000**
	Dự phòng nợ phải trả dài hạn	342		-	-
	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**8,850,998,884**	**164.970.538**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	4.17	**8,850,998,884**	**164.970.538**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		**152,200,000,000**	**152.200.000.000**
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		**152,200,000.000**	**152.200.000.000**
2.	Quỹ đầu tư phát triển	418		**5,670,872,657**	**5.670.872.657**
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		**(149,019,873,773)**	**(157.705.902.119)**
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		**(157,951,656,812)**	**(158.027.879.882)**

	- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*	**8,931,783,039**	**321.977.763**
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**	**-**	**-**
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**	**267,502,846,007**	**8.555.744.917**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
TRẦN THỊ THANH HOA	**TRẦN THỊ THANH HOA**	**NGUYỄN HỮU PHÚ**

Gia Lai, Việt Nam
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2025	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 31/12/2024
				VND	*VND*	*VND*	*VND*
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	5.1	**4.748.946.608**		55,789,603,083	12,813,696,308
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-			
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)**	**10**		**4.748.946.608**		**55,789,603,083**	**12,813,696,308**
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.2	3.546.034.650		49,363,247,121	8,798,761,357
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)**	**20**		**1.202.911.958**		6,426,355,962	4,014,934,951
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	6.707.902.526	**137,403**	6,708,698,342	845,333
7.	Chi phí tài chính	22	5.4	-			228,507,716
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8.	Chi phí bán hàng	25	5.5			16,502,815	36,363,636
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	572.601.179	701,403,048	2,922,834,496	2,717,499,966

10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}**	**30**		**7.338.213.305**	(701,265,645)	10,195,716,993	1,033,408,966
11.	Thu nhập khác	31	5.7		500,000	27,259,000,000	525,000
12.	Chi phí khác	32	5.8	1.106.706	65,000,000	47,859,754	86,175,916
13.	**Lỗ khác (40 = 31 - 32)**	**40**		**(1.106.706)**	(64,500,000)	27,211,140,246	(85,650,916)
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**7.337.106.599**	(765,765,645)	37,406,857,239	947,758,405
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	1.903.336.216		1,976,849,614	236,665,324
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-			
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 - 52)**	**60**		**5.433.770.383**	(765,765,645)	35,430,007,625	711,092,726
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	5.10	2.987	51	2.987	51
19.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**71**	5.10	2.987	51	2.987	51

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
TRẦN THỊ THANH HOA	**TRẦN THỊ THANH HOA**	**NGUYỄN HỮU PHÚ**

Gia Lai, Việt Nam
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(theo phương pháp gián tiếp)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	**7.937.380.079**	***1.012.233.302***
2.	**Điều chỉnh cho các khoản**			
	Khấu hao TSCĐ cà BĐSĐT	**02**	**11.603.030**	
	Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	**05**	**(4.718.543.270)**	
3.	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**08**	**3.230.439.839**	***1.012.233.302***
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	**(6.898.763.895)**	***36.335.906.863***
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	**1.738.729.087**	***(1.583.193.742)***
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	**63.196.922.727**	***(10.286.453.604)***
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	**130.258.392**	***(541.553.127)***
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	**(488.396.116)**	**-**
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	**94.000.000.000**	**-**
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	**-**	**-**
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	**154.909.190.034**	***24.936.939.692***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	**21**	**6.050.000.000**	***(34.809.091)***
1.	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	**-**	
2	Tiền thu hồi cho vaybans lại các công cụ nowjcuar ĐV khác	24		
3.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	**(214.806.000.000)**	**-**
4	***Tiền thu hồi đầu tư vón góp vào đơn vị khác***	***26***	**46.800.000.000**	
5.	***Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia***	***27***	**218.543.270**	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	**(161.737.456.730)**	***(34.809.091)***

III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
	Thu tiền từ đi vay	**33**	7.007.165.000	
	Tiền chi trả nợ gốc	**34**	(152.165.000)	(24.902.130.601)
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
	Trả tiền thu hồ đầu n nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	**6.855.000.000**	***(24.902.130.601)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**26.733.304**	-
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**353.061.705**	***415.493.484***
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**379.795.009**	***415.493.484***

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
TRẦN THỊ THANH HOA	TRẦN THỊ THANH HOA	NGUYỄN HỮU PHÚ

Gia Lai, Việt Nam
Ngày 31 tháng 12 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần ATG Planet (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100577172 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2007 và được thay đổi lần thứ 13 ngày 16 tháng 07 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 152.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi hai tỷ, hai trăm triệu đồng). Tổng số cổ phần là 15.220.000 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 05 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 02 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là xây dựng công trình, thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Trong kỳ kế toán, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Kinh doanh vật liệu xây dựng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

1.4. Các hoạt động trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Trong kỳ kế toán, Công ty thực hiện mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực mua bán thương mại lương thực, cụ thể là mua bán gạo. Vấn đề này đã làm thay đổi cơ cấu tài chính của Công ty trong kỳ, làm tăng mạnh hàng tồn kho tại ngày 30/06/2025.

1.5. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

1.6. Cấu trúc Doanh nghiệp

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc
Công ty Cổ phần ATG Planet– Chi nhánh Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần ATG Planet chấm dứt hoạt động theo Nghị quyết số 1605/2024/NQ-HĐQT/ATG ngày 16/05/2024

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp , kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty lỗ lũy kế 123.020.877.329 đồng, vốn chủ sở hữu (mã số 410) trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp chỉ còn 34.849.995.328 đồng. Số lỗ lũy kế này phát sinh chủ yếu từ nghiệp vụ xóa nợ phải thu khó đòi từ năm 2022. Việc giảm bớt lỗ lũy kế sẽ cải thiện tình hình tài chính của doanh nghiệp, vấn đề này phụ thuộc vào hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi trong tương lai.
Ngoài vấn đề nêu trên, Ban Tổng Giám đốc không thấy có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3.4. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hợp đồng xây dựng được xác định là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh, các khoản chi phí trích trước phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam, phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp để thực hiện hợp đồng xây dựng. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hợp đồng xây dựng được theo dõi chi tiết theo từng hợp đồng xây dựng, từng hạng mục công trình, và từng công rình cụ thể.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ
Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác
Chi phí trả trước khác là các chi phí phát sinh có ảnh hưởng đến nhiều kỳ kế toán và được phân bổ phù hợp với thời gian hữu ích của chi phí mang lại hoặc phân bổ không quá 36 tháng.

3.7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.8. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam công bố về ngày chốt danh sách cổ đông không hưởng quyền chia cổ tức.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có thông Báo của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam về ngày chốt danh sách cổ đông không hưởng quyền chia cổ tức.

3.12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định cụ thể theo 02 trường hợp sau :

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng với giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Tổng doanh thu của hợp đồng tính toán được một cách đáng tin cậy;
- Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
- Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy;
- Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán được một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách tin cậy khi đồng thời thỏa mãn hai điều kiện sau:

- Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng;
- Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán được một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.13. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Giá vốn hàng bán hợp đồng xây dựng

Giá vốn hàng bán của hợp đồng xây dựng được xác định ghi nhận theo phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng được gọi là phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) hoàn thành.

Khi phần công việc đã hoàn thành được xác định bằng phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, thì những chi phí liên quan tới phần công việc đã hoàn thành sẽ được tính vào chi phí cho tới thời điểm đó. Những chi phí không được tính vào phần công việc đã hoàn thành của hợp đồng có thể là:

- Chi phí của hợp đồng xây dựng liên quan tới các hoạt động trong tương lai của hợp đồng như: Chi phí nguyên vật liệu đã được chuyển tới địa điểm xây dựng hoặc được dành ra cho việc sử dụng trong hợp đồng nhưng chưa được lắp đặt, chưa sử dụng trong quá trình thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp những nguyên vật liệu đó được chế tạo đặc biệt cho hợp đồng;
- Các khoản tạm ứng cho nhà thầu phụ trước khi công việc của hợp đồng phụ được hoàn thành

3.14. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo và hoa hồng bán hàng.

3.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.16. Thuế

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.[Cần xem xét kỹ các khoản mục tài sản tài chính căn cứ vào thực tế của Công ty để bổ sung và lược bỏ- trình bày nhất quán với Thuyết minh số 52] Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các

khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. [Cần xem xét kỹ các khoản mục công nợ tài chính căn cứ vào thực tế của Công ty để bổ sung và lược bỏ- trình bày nhất quán với Thuyết minh số 52] Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 – Thông tin về các bên liên quan ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm *VND*	Số đầu năm *VND*
Tiền mặt	193.211.095	206.577.872
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	186.583.914	208.915.612
	379.795.009	**415.493.484**

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm *VND*	Số đầu năm *VND*
Công ty Cổ phần BĐS Xây lắp Dầu khí Việt nam	9.082.816.138	357.481.984
CÔNG TY TNHH LAN PHƯƠNG NGỌC	1.221.909.975	
Đoàn Phương Hà	400.000.000	
Phải thu khách hàng khác	12.646.841.457	60.848.031
	23.351.567.570	**418.330.015**

4.3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm *VND*	Số đầu năm *VND*
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Ngọc Duy	198.116.399	191.549.599
Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Mạnh Hùng	639.444.780	-
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	1.381.258.514	173.319.016

	2.218.819.693	**364.868.615**

4.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Phải thu khác	831.390.246	-	3.456.353.393	-
	831.390.246	**-**	**3.456.353.393**	**-**

4.5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Nguyên vật liệu	329.356.935	-	1.430.547.112	-
Công cụ dụng cụ	4.377.866	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		-	-	-
Hàng hóa (*)	24.787.870.750	-	88.950.488	-
	25.121.605.551	**-**	**1.519.497.600**	**-**

4.6. Chi phí trả trước

4.6.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	*VND*
Chi phí thuê nhà	-	12.000.000
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	142.775.137	233.294.090
Chi phí thuê TS (*)	3.636.363.636	890.000
	3.779.138.773	**246.184.090**

4.6.2. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	*VND*
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.808.336	16.208.334
	5.808.336	**16.208.334**

4.7. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	*VND*
NGUYÊN GIÁ		

Số đầu năm	34.009.091	34.809.091
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	34.809.091	34.809.091
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	5.801.514	5.801.514
Tăng trong năm	11.603.030	11.603.030
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	17.404.544	17.404.544
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
- Tại ngày đầu năm	**29.007.577**	**29.007.577**
- Tại ngày cuối năm		**17.404.547**

4.8. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc *VND*	Dự phòng *VND*	Giá trị hợp lý *VND*	Giá gốc *VND*	Dự phòng *VND*	Giá trị hợp lý *VND*
Đầu tư vào đơn vị khác	211.056.000.000	-		-	-	
Công ty Cổ phần APG Energy Nghệ An (*)	185.630.000.000	-	(i)	-	-	(i)
Đầu tư khác	25.426.000.000	-	-	-	-	
	211.056.000.000	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các đối tượng khác	6.835.010.954	6.835.010.954	339.159.105	339.159.105
	6.835.010.954	**6.835.010.954**	**339.159.105**	**339.159.105**

4.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	*VND*
Nguyễn Tuấn Hải	265.614.206	222.333.216
Nguyễn Hoài Nam	184.045.000	184.045.000
Công ty CP dược Lâm Đồng (Ladophar)	59.290.000.000	237.164.909
Các đối tượng khác	32.295.499	65.740.000
	59.771.954.705	**709.283.125**

4.11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp/Số đã khấu trừ	Phải nộp	Phải thu
	VND	*VND*			*VND*	*VND*
Thuế GTGT hàng bán nội địa	287.661.804	-				-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	327.754.628	-	1.764.620.189		1.764.620.189	
Thuế thu nhập cá nhân	325.736.390	-	4.271.360	4.271.360	4.271.360	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	47.696.713	47.696.713	47.696.713	-
	941.152.822	**-**	**1.816.588.262**	**51.968.073**	**1.816.588.262**	**-**

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm *VND*	Số đầu năm *VND*
Trích trước chi phí lãi vay	-	202.395.089
Phí dịch vụ tư vấn tái cấu trúc	372.272.727	372.272.727
Các khoản khác	481.828.960	331.933.736
	854.101.687	**906.601.552**

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm *VND*	Số đầu năm *VND*
Chi phí lãi vay phải trả	94.497.738.197	440.031.440
Kinh phí công đoàn	10.812.500	10.812.500
Bảo hiểm xã hội	48.643.500	31.481.000
Bảo hiểm y tế	4.156.000	1.021.000
Bảo hiểm thất nghiệp	8.309.000	6.514.000
	94.569.659.197	**489.859.940**

4.14. Vay và nợ thuê tài chính

4.14.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
Vay ngắn hạn	***3.536.177.400***	***3.536.177.400***	***10.525.089.175***	***3.956.275.575***	***10.104.991.000***	***10.104.991.000***
Vay ngắn hạn cá nhân	3.536.177.400	3.536.177.400	10.525.089.175	3.956.275.575	10.104.991.000	10.104.991.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	**3.536.177.400**	**3.536.177.400**	**10.525.089.175**	**3.956.275.575**	**10.104.991.000**	**10.104.991.000**

4.14.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
Vay dài hạn	***1.240.000.000***	***1.240.000.000***	***1.725.000.000***	***740.000.000***	***2.225.000.000***	***2.225.000.000***
Ông Nguyễn Văn Hùng (i)	500.000.000	500.000.000	1.725.000.000	-	2.225.000.000	2.225.000.000
Ông Nguyễn Hữu Phú	740.000.000	740.000.000	-	740.000.000	-	-
	1.240.000.000	**1.240.000.000**	**1.725.000.000**	**740.000.000**	**2.225.000.000**	**2.225.000.000**

(i) Khoản vay với Ông Nguyễn Văn Hùng bao gồm các khoản sau:
Khoản vay theo hợp đồng số 061101 giữa ông Nguyễn Văn Hùng và Công ty Cổ phần ATG Planetnhư sau:
- Số tiền cho vay: 1.000.000.000 VND (Một tỷ đồng)
- Mục đích vay: Phục vụ vốn lưu động của công ty

- Thời hạn vay: 2 năm
- Lãi suất cho vay: 0%
- Biện pháp đảm bảo khoản vay: Tín chấp

Hợp đồng ngày 26/06/2025 giữa ông Nguyễn Văn Hùng và Công ty Cổ phần ATG Planet– Chi nhánh Hồ Chí Minh về việc:
- Số tiền cho vay: 2.000.000.000 VND
- Mục đích: Để bổ sung vốn thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh
- Thời hạn vay vốn: 3 năm từ ngày 26/06/2025 đến 26/06/2028
- Lãi suất: 0%
- Biện pháp đảm bảo tiền vay: Tín chấp

4.15. Vốn chủ sở hữu

4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng*
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Số dư đầu năm trước	**152.200.000.000**	**5.670.872.657**	**(158.027.879.882)**	**(157.007.225)**
Tăng trong năm trước	-	-	321.977.763	321.977.763
- Tăng trong năm trước			*321.977.763*	*321.977.763*
- Tăng khác				-
Giảm trong năm trước	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước				-
Số dư cuối năm trước	**152.200.000.000**	**5.670.872.657**	**(157.705.902.119)**	**164.970.538**
Số dư đầu năm nay	**152.200.000.000**	**5.670.872.657**	**(157.705.902.119)**	**164.970.538**
Tăng trong năm		-	16.567.005.859	46.876.005.859
- Lãi trong năm			*5.433.770.383*	*5.433.770.383*
Tăng vốn trong năm				*30.309.000.000*
Tăng khác			*11.133.235.476*	*11.133.235.476*
Giảm trong năm	-	-		-
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm nay	**152.200.000.000**	**5.670.872.657**	**(141.138.896.260)**	**47.040.976.397**

4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		**Số đầu năm**	
	Vốn thực góp	**Tỷ lệ**	**Vốn thực góp**	**Tỷ lệ**
	VND	*%*	*VND*	*%*
Ông Võ Quí Lâm	13.882.000.000	9,12%	13.882.000.000	9,12%
Các cổ đông khác	138.318.000.000	90,88%	138.318.000.000	90,88%
	152.200.000.000	**100,00%**	**152.200.000.000**	**100,00%**

4.15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	**Năm trước**
	VND	*VND*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp tại ngày đầu năm	152.200.000.000	152.200.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	**152.200.000.000**	152.200.000.000

4.15.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm *Cổ phiếu*	Số đầu năm *Cổ phiếu*
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.220.000	15.220.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.220.000	15.220.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*15.220.000*	*15.220.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	
- Số lượng cổ phiếu được mua, bán lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.220.000	15.220.000
+ Cổ phiếu phổ thông	*15.220.000*	*15.220.000*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

4.15.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	(157.705.902.119)	(158.027.879.882)
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm	6.566.786.233	321.977.763
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	-
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận		-
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong năm	(147.886.967.923)	(157.705.902.119)
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	-	-
.		
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối năm	**(147.886.967.923)**	**(157.705.902.119)**

4.16. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản công nợ phải thu khách hàng	**16.595.518.636**	**16.595.518.636**
Công ty CP Alpha M.A.I Việt Nam	2.042.861.136	2.042.861.136
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	14.552.657.500	14.552.657.500
Các khoản trả trước cho người bán	**427.000.000**	**427.000.000**
Công ty CP Tư vấn Quy hoạch xây dựng và Hạ tầng đô thị Hoàng An	200.000.000	200.000.000
Các đối tượng khác	227.000.000	227.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	**330.740.000**	**330.740.000**
Các khoản phải thu khác	**112.868.612.273**	**112.868.612.273**
Công ty TNHH Khoáng sản và Thương mại My Xuân	18.259.612.273	18.259.612.273
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Sơn Mỹ	3.000.000.000	3.000.000.000

Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Sơn Mỹ	47.500.000.000	47.500.000.000
Ông Lê Văn Huyên	7.200.000.000	7.200.000.000
Ông Trương Ngọc Thanh	15.500.000.000	15.500.000.000
Ông Trương Đình Xuân	1.409.000.000	1.409.000.000
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Sơn Mỹ - dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000
	130.221.870.909	**130.221.870.909**

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Doanh thu hợp đồng xây dựng	4.748.946.608	12.813.696.308
	4.748.946.608	**12.813.696.308**

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Giá vốn hàng bán của hợp đồng xây dựng	3.546.034.650	8.798.761.357
	3.546.034.650	**8.798.761.357**

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.707.902.526	845.333
	6.707.902.526	**845.333**

5.4. Chi phí tài chính

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Lãi tiền vay	-	228.507.716
	-	**228.507.716**

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Chi phí dịch vụ mua ngoài		36.363.636
	-	**36.363.636**

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Chi phí nhân viên quản lý	572.601.179	651.945.051
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng		290.001
Thuế, phí và lệ phí		77.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài		2.065.187.914
	572.601.179	**2.717.499.966**

5.7. Thu nhập khác

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Thu nhập khác		252
	-	**252**

5.8. Chi phí khác

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Chi phạt vi phạm hành chính, chậm nộp	-	5.840.696
Chi phí khác	1.106.706	15.335.220
	1.106.706	**21.175.916**

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	1.903.336.216	236.665.324
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**1.903.336.216**	**236.665.324**

5.10. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.433.770.383	775.567.978
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.433.770.383	775.567.978
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	*15.220.000*	*15.220.000*
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ Cổ phiếu)	**2.987**	**51**

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm (i)		-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	**2.987**	**51**

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	-	-
	-	-

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm nay *VND*	Năm trước *VND*
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	-	-
	-	-

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính tổng hợp và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp này.

7.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.2.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Danh sách bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	Hà Nội	Bên liên quan năm 2024; năm 2025 không còn là bên liên quan
Công ty Cổ phần Power Trade	Lạng Sơn	ATG đầu tư góp vốn theo Nghị quyết HĐQT số 1412/2023/NQ-HĐQT/ATG
Công ty Cổ phần GKM Holdings	Ninh Bình	Ông Nguyễn Hữu Phú là chủ tịch HĐQT; Bà Đào Thị Nga là thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần APG Energy Nghệ An	Nghệ An	Ông Nguyễn Anh Thông là Chủ tịch HDQT
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang	An Giang	Ông Nguyễn Hữu Phú là thành viên HĐQT

7.3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2024, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HQQT
TRẦN THỊ THANH HOA	TRẦN THỊ THANH HOA	NGUYỄN HỮU PHÚ

Gia Lai, Việt Nam
Ngày 31 tháng 12 năm 2025